TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 654/2019/HSPT
Ngày 25 tháng 10 năm 2019.
"Văn Công M (đồng bọn)
Lợi dụng chức vụ quyền hạn
trong khi thi hành công vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý
Ông Võ Văn Khoa
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 573/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Văn Công M và bị cáo Nguyễn Văn L do các bị cáo và người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Văn Công M, sinh ngày 02/9/1962 tại tỉnh S; Đăng ký thường trú: Số 110 Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh S; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S; Con ông Văn Công L[1] (chết) và bà Lê Thị T; Vợ Trần Thị Kim Đ (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị cáo tại ngoại điều tra, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn L, sinh ngày 16/11/1965 tại tỉnh S; Đăng ký thường trú: ấp Châu Thành, xã An Ninh, huyện C, tỉnh S; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S; Con ông Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Q[1] (chết); Vợ Trần Thị Ngọc H có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị cáo tại ngoại điều tra, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Văn Công M: Luật sư Trương Hoài Phúc – Đoàn luật sư tỉnh S (Có mặt).

Người bị hại có kháng cáo: Ông Trần Văn M[1], sinh năm 1955; Trú số 112, ấp Mỹ Tân, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện M, tỉnh S – Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn M[1]: Ông Phan Văn P, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 175 Lê Thánh Tông, ấp Nội Ô, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện M, tỉnh S (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2018) – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không kháng cáo):

Bà Trương Thị B, sinh năm 1956; Trú số 112, ấp Mỹ Tân, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện M, tỉnh S – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Văn Công M là Chấp hành viên được phân công trực tiếp thụ lý giải quyết, còn bị cáo Nguyễn Văn L là cán bộ giúp việc thi hành Bản án số 06/2006/HNGĐ-PT ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh S về tranh chấp ly hôn giữa ông Trần Văn M[1] và bà Trương Thị B.

Nội dung bản án tuyên: Giao cho ông Trần Văn M[1] được sở hữu các tài sản có tổng giá trị 222.790.000 đồng; Giao cho bà Trương Thị B được sở hữu các tài sản có tổng giá trị 264.131.000 đồng; Ông M[1] và bà B có trách nhiệm trả cho ông Trương Bảo Q và Nguyễn Thị O số tiền 83.885.000 đồng (Trong đó, ông M[1] phải trả 21.272.000 đồng, bà B phải trả 62.613.000 đồng); Ông M[1] và bà B có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 32.700.000 đồng, mỗi người trả 16.350.000 đồng; Ông M[1] phải trả tiền bán giấy cho bà B 1.722.500 đồng; Ông M[1], bà B mỗi người nộp 9.863.000 đồng tiền án phí; Ông Q, bà O liên đới nộp 4.194.000 đồng tiền án phí.

Ngày 24/8/2006, ông Trần Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, Văn Công M ký ban hành Quyết định thi hành án số 177/QĐTHA ngày 26/9/2006 buộc bà Trương Thị B giao trả cho ông Trần Văn M diện tích 8.390 m^2 đất ruộng và Quyết định thi hành án số 178/QĐTHA cùng ngày 26/9/2006 buộc ông Trần Văn M, bà Trương Thị B phải nộp tiền án phí mỗi người 9.830.000 đồng.

Ngày 21/11/2011, ông Trần Văn M[1] đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nộp 49.257.000 đồng tiền thi hành án (để trả cho ông Trương Bảo Q, bà Nguyễn Thị O 21.272.000 đồng, trả cho ông Phan Văn Đ 16.350.000 đồng, trả cho bà Trương Thị B 1.772.000 đồng và 9.863.000 đồng tiền án phí). Bị cáo Nguyễn Văn L tham mưu và được Văn Công M chấp thuận cho thu tiền của ông Trần Văn M[1] nhưng không viết biên lai thu tiền theo quy định, mà lập biên bản thu tiền do hết thời hiệu thi hành án. Biên bản được lập lúc 13 giờ 30 phút ngày 21/11/2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M có chữ ký Chấp hành viên Văn Công M, người lập biên bản Nguyễn Văn L và người thi hành án Trần Văn M[1].

Ngày 25/11/2011, Văn Công M mời bà Trương Thị B, ông Trương Bảo Q và ông Trần Văn M[1] đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện M để thỏa thuận thi hành án, nhưng bà Trương Thị B và ông Trương Bảo Q không đồng ý nhận tiền và bỏ về.

Sau khi đương sự không nhận tiền thi hành án, Văn Công M và Nguyễn Văn L không thực hiện việc tạm gửi tiền thi hành án theo quy định của pháp luật mà Văn Công M sử dụng 34.394.000 đồng, Nguyễn Văn L sử dụng 14.863.000 đồng hết.

Đến năm 2015, bà Trương Thị B tố cáo, Cục Thi hành án dân sự tỉnh S kiểm tra phát hiện nên vào ngày 31/10/2016, Văn Công M nộp 34.394.000 đồng, Nguyễn Văn L nộp 14.863.000 đồng để trả lại cho ông Trần Văn M[1] và nộp phí thi hành án. Ngoài ra, Văn Công M tự nguyện hỗ trợ thêm cho ông Trần Văn M[1] 8.000.000 đồng, Nguyễn Văn L tự nguyện hỗ trợ cho ông Trần Văn M[1] 7.000.000 đồng.

Ngày 30/01/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã thu 9.863.000 đồng tiền án phí, trả lại cho ông M[1] 39.394.000 đồng (lãi suất phát sinh 1.870.200 đồng). Sau khi nhận đủ tiền trên, ông Trần Văn M[1] đồng ý để lại cho bà Trương Thị B và các con phần đất được giao theo Bản án số 06/2006/HNGĐ-PT ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh S. Bà Trương Thị B và ông Trần Văn M[1] không còn yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 81/VKSTC-V6 ngày 11/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố Văn Công M và Nguyễn Văn L về tội *"Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi thành công vụ"* quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và phân công Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S (Sửa đổi, bổ sung tại Thông báo số 805/2018/TB-TA ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S) đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Văn Công M phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*. Xử phạt bị cáo Văn Công M 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/9/2018, bị cáo Văn Công M có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 30/8/2018, bị cáo Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 10/9/2018, người bị hại Trần Văn M[1] có đơn kháng cáo xin cho bị cáo Văn Công Mới và bị cáo Nguyễn Văn Luận được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Văn Công M khai nhận về nguyên tắc Bản án hết thời hiệu thi hành và không có quyết định thi hành án thì không thu tiền nên bị cáo cho lập biên bản thu tiền tạm thời. Bị cáo chỉ mượn 10 triệu đồng để làm chi phí phục vụ cho công tác cưỡng chế, nhưng bị cáo L lại đưa cho bị cáo 20 triệu đồng. Đối với số tiền

14.340.000 đồng do bị cáo L đã chiếm dụng rồi đến tháng 9 năm 2016 L mới đưa cho con của bị cáo 9.340.000 đồng và bị cáo hỗ trợ cho bị cáo L 5.000.000 đồng. Những vấn đề trên chưa được làm rõ nhưng Bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo sử dụng 34.394.000 đồng trong số tiền ông M nộp là oan cho bị cáo. Bị cáo biết bị cáo sai, nay đã rất hối hận, xin xem xét hoàn cảnh của bị cáo, gia đình của bị cáo có công cách mạng, xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Văn Công M: Bản án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, nhưng đề nghị xem xét bị cáo muốn nói rõ thêm đến năm 2016 thì bị cáo L đưa cho bị cáo M số tiền 9.340.000 đồng và bị cáo M hỗ trợ cho bị cáo L 5.000.000 đồng chứ không phải là bị cáo quanh co. Đơn vị cấp trên cũng thiếu kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh nên mới xảy ra sự việc. Gia đình bị cáo M có truyền thống cách mạng, bị cáo đã rất ăn năn hối lỗi, thiệt hại vật chất cũng đã được khắc phục toàn bộ nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận bị cáo chỉ là người giúp việc cho bị cáo M. Bị cáo đã đưa cho bị cáo M 34.394.000 đồng trong số tiền của ông M[1] nộp, bị cáo chỉ có sai là không đăng nộp vào quỹ cơ quan số tiền án phí của ông M[1] 9.830.000 đồng nên bị cáo rất hối hận. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, mới phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng, đã nộp tiền để khắc phục hậu quả xong, cha và anh của bị cáo là liệt sĩ, một anh là thương binh, mẹ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong thời gian từ khi xảy ra vụ án đến nay bị cáo đã có nhiều phấn đấu, được tập thể bình xét hoàn thành tốt nhiệm vụ, xin được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Ông Phan Văn P đại diện cho người bị hại giữ nguyên kháng cáo đề nghị cho cả hai bị cáo án treo hoặc hình phạt khác nhẹ hơn vì cả hai bị cáo đã rất ăn năn hối cải, khắc phục toàn bộ thiệt hại xong và thường thăm nom người bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của hai bị cáo và đơn kháng cáo của người bị hại trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm. Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Văn Công M và Nguyễn Văn L phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thái độ khai báo của cả hai bị cáo còn né tránh, cứ lấy lý do người được thi hành án không đến nhận tiền nên các bị cáo mới sử dụng số tiền đương sự nộp. Nếu không có khiếu nại của đương sự thì vụ án này chưa bị phát hiện. Các bị cáo phạm tội ở mức cao của khung hình phạt, chỉ vài trăm ngàn đồng nữa là phạm vào khoản 2 có mức hình phạt rất cao, nhưng Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt là đã cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị bác kháng cáo của các bị cáo và người bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Văn Công M và đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L đều trong thời hạn luật định; Ông Trần Văn M[1] vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, được tống đạt bản án vào ngày 28/8/2018 nên đơn kháng cáo của ông Trần

Văn M[1] cũng trong thời hạn luật định. Các đơn kháng cáo đều đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định vào ngày 21/11/2011, bị cáo Văn Công M và Nguyễn Văn L lập biên bản thu tiền trái với quy định để cùng nhau sử dụng của ông Trần Văn M[1] 49.257.000 đồng. Bà Trương Thị B có đơn tố cáo cho đến năm 2015, Cục Thi hành án dân sự tỉnh S xác minh, phát hiện thì bị cáo Văn Công M nộp lại 34.934.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn L nộp lại 14.863.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Trần Văn M[1] và thực hiện việc thu tiền án phí đối với nghĩa vụ của ông Trần Văn M[1] số tiền 9.830.000 đồng. Hành vi làm trái công vụ của các bị cáo thể hiện ở việc đã có quyết định thi hành án đối với phần án phí của ông Trần Văn M[1] (Quyết định thi hành án số 178/QĐTHA ngày 24/8/2006) nhưng các bị cáo không lập biên lai thu tiền án phí và nộp tiền án phí vào ngân sách theo quy định, mà các bị cáo lại lập biên bản thu tiền để chiếm hưởng sử dụng làm thiệt hại cho Ngân sách số tiền án phí 9.830.000 đồng; Đối với số tiền 39.394.000 đồng của ông M[1] nộp (49.257.000 đồng – số tiền trách nhiệm án phí của ông M[1] 9.830.000 đồng) chưa thi hành án cho người được thi hành án, các bị cáo không nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 mà lại lập biên bản thu tiền rồi chia nhau chiếm hưởng sử dụng, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và đồng thời làm mất uy tín, suy giảm lòng tin của nhân dân vào cơ quan Nhà nước, chỉ đến khi có đơn tố cáo và được cơ quan có thẩm quyền xác minh làm rõ thì các bị cáo mới nộp lại các số tiền này. Vì động cơ vụ lợi, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích, uy tín của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của công dân cả về mặt vật chất và phi vật chất là đã cấu thành tội phạm. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Văn Công M và Nguyễn Văn L phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* quy định tại khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đã đủ căn cứ và không oan cho bị cáo Văn Công M.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm cho cơ quan Nhà nước suy yếu, mất uy tín, làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào cơ quan Nhà nước nên cần phải xử phạt nghiêm.

[4] Bị cáo Văn Công M là Chấp hành viên trực tiếp giải quyết việc thi hành án nên bị cáo giữ vai trò chính. Việc bị cáo nại ra kinh phí cuối năm khó khăn để mượn tiền của người phải thi hành án nộp để làm kinh phí thực hiện việc cưỡng chế là không thể chấp nhận được, không có quy định của pháp luật nào cho phép bị cáo "mượn" khoản tiền của đương sự nộp để cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ. Bị cáo là Chấp hành viên trực tiếp thụ lý giải quyết vụ thi hành án này và cũng là Thủ trưởng cơ quan nên bị cáo vừa phải có trách nhiệm với nhiệm vụ được phân công thi hành án, vừa phải có trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động của cơ quan, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha là liệt sĩ, mẹ có công với nước và đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng hiện

nay. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người bị hại và lời bào chữa của luật sư xin cho bị cáo được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

[5] Bị cáo Nguyễn Văn L là cán bộ giúp việc cho bị cáo M, giữ vai trò là đồng phạm, tính chất mức độ thấp hơn bị cáo M nên hình phạt phải thấp hơn. Bản án sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có cha và anh là liệt sĩ, mẹ và anh có công với nước và đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo. Việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng hiện nay. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Ông Trần Văn M[1] không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại các điểm a, đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Văn Công M, bị cáo Nguyễn Văn L và kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn M[1]; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HSST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Văn Công M và Nguyễn Văn L; Áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

3. Tuyên bố bị cáo Văn Công M và bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*.

3.1. Xử phạt bị cáo Văn Công M 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Buộc mỗi bị cáo Văn Công M, Nguyễn Văn L phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)*/bị cáo.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Tòa án nhân dân tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- Công an tỉnh S;
- Sở Tư pháp tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công